

Bản án số: **68/2024/HNGĐ-ST**.

Ngày: 20- 9 -2024.

V/v: “*Ly hôn, tranh chấp
nuôi con khi ly hôn*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ST, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thanh Loan.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Giáp Long.

Bà Nguyễn Bạch Nhạn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như Ý, thư ký Tòa án nhân dân thành phố ST, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố ST tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2024 tại phòng xử án Tòa án nhân dân thành phố ST, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 97/2024/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2024 về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 490/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Lý Thị Mỹ L**, sinh năm 19XX.

Địa chỉ: ấp A, xã A1, huyện A2, tỉnh Sóc Trăng (có đơn xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông **Tô Văn H**, sinh năm 19XX.

Địa chỉ: Số B, đường B1, khóm B2, phường B3, thành phố ST, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 14/5/2024, tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt đề ngày 05/9/2024, nguyên đơn bà Lý Thị Mỹ L trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lý Thị Mỹ L và ông Tô Văn H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện A1, tỉnh Sóc Trăng và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 03/5/2018. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hoà thuận, hạnh phúc nhưng đến năm 2019 thì bắt đầu cãi nhau và mâu thuẫn, bà L thường xuyên bị giam trong phòng khoá cửa lại không cho tiếp xúc với ai,

vợ chồng không còn hạnh phúc nên bà L quyết định ly thân vào năm 2020. Nay bà L yêu cầu Toà án giải quyết cho bà L được ly hôn với ông Tô Văn H.

- Về con chung: Bà Lý Thị Mỹ L trình bày trong thời gian chung sống có 02 người con chung là cháu Tô Lý Nghi H (giới tính nữ, sinh ngày: 28/01/2015) và cháu Tô Lý Ngân N (giới tính nữ, sinh ngày: 28/01/2015). Hiện tại 02 con đang sống chung với bà L. Sau khi ly hôn bà L yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Tô Lý Nghi H (giới tính nữ, sinh ngày: 28/01/2015) và cháu Tô Lý Ngân N (giới tính nữ, sinh ngày: 28/01/2015) cho đến khi 02 con đủ 18 tuổi, bà L yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.500.000 đồng/con/tháng.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà Lý Thị Mỹ L tự trình bày không có, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Đối với bị đơn ông Tô Văn H trình bày: Từ khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thông báo cho ông H biết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng ông H không tham gia theo giấy triệu tập của Tòa án. Đồng thời bị đơn ông H cũng không cung cấp chứng cứ và không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án.

Ý kiến của kiểm sát viên: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự như: Xác định đúng thẩm quyền thụ lý vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, việc thu thập chứng cứ đúng theo quy định. Về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, việc cấp tổng đạt đảm bảo đúng theo quy định. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn có đơn xin giải quyết vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ đến lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn và bị đơn. Về nội dung đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn bà Lý Thị Mỹ L yêu cầu ly hôn với bị đơn là ông Tô Văn H có địa chỉ tại thành phố ST và yêu cầu được nuôi con. Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án hôn nhân gia đình, quan hệ pháp luật để giải quyết là “ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố ST theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Tại phiên Tòa hôm nay, ông Tô Văn H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các quyết định đưa vụ án ra xét xử theo đúng trình tự thủ tục tố tụng nhưng ông H vắng mặt không có lý do, nguyên đơn bà Lý Thị Mỹ L có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lý Thị Mỹ L và ông Tô Văn H xác lập quan hệ vợ chồng trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật nên hôn nhân của ông, bà là hợp pháp. Trong quá trình chung sống do ông, bà không hợp nhau về tính tình, thường hay phát sinh nhiều mâu thuẫn, cãi vã, không có sự đồng cảm với nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng rạn nứt, bà L và ông H đã không còn sống chung như vợ chồng từ đầu năm 2020 cho đến nay. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa ông, bà đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Ông, bà không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà L cho bà L được ly hôn với ông H.

[2.2] Về con chung: Trong thời gian chung sống bà Lý Thị Mỹ L và ông Tô Văn H có 02 người con chung là cháu Tô Lý Nghi H (giới tính nữ, sinh ngày: 28/01/2015) và cháu Tô Lý Ngân N (giới tính nữ, sinh ngày: 28/01/2015). Hiện tại 02 con đang sống chung với bà L. Sau khi ly hôn bà L yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Tô Lý Nghi H (giới tính nữ, sinh ngày: 28/01/2015) và cháu Tô Lý Ngân N (giới tính nữ, sinh ngày: 28/01/2015) cho đến khi 02 con đủ 18 tuổi.

Hội đồng xét xử thấy rằng từ trước đến nay thì bà L là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu H và cháu N, cuộc sống của hai cháu đang ổn định và hiện nay cháu H và cháu N phát triển bình thường. Đồng thời, theo ý kiến của cháu H và cháu N tại biên bản ghi nhận ý kiến ngày 13/6/2024, cháu H và cháu N cũng có nguyện vọng được sống chung với mẹ là bà L. Do đó nhằm để ổn định cuộc sống, việc học tập cũng như tâm lý của cháu H và cháu N nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình cần tiếp tục giao cho bà L nuôi dưỡng cháu H và cháu N cho đến tuổi trưởng thành. Nên yêu cầu của bà L được trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn là có cơ sở được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà L yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi cháu H mỗi tháng là 1.500.000 đồng và cấp dưỡng cấp dưỡng nuôi cháu N mỗi tháng là 1.500.000 đồng. Tại Khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: “*Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con*” và tại khoản 1 Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: “*Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 của Luật này*”. Nên bà L yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con là có cơ sở được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Lý Thị Mỹ L trình bày ông, bà không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí: Bà Lý Thị Mỹ L phải chịu án phí ly hôn số tiền là 300.000 đồng. Ông Tô Văn H phải chịu án phí cấp dưỡng số tiền là 300.000 đồng.

[4] Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Từ những phân tích, nhận định trên nên đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238; khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 39 của Bộ luật dân sự.

- Căn cứ khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Lý Thị Mỹ L với ông Tô Văn H.

2. Về con chung: Giao cháu Tô Lý Nghi H (giới tính nữ, sinh ngày: 28/01/2015) và cháu Tô Lý Ngân N (giới tính nữ, sinh ngày: 28/01/2015) cho bà Lý Thị Mỹ L nuôi dưỡng cho đến khi cháu Tô Lý Nghi H và cháu Tô Lý Ngân N đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Tô Văn H cấp dưỡng cho cháu Tô Lý Nghi H số tiền 1.500.000 đồng/tháng và cháu Tô Lý Ngân N số tiền 1.500.000 đồng/tháng cho đến khi cháu H và cháu N đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 09 năm 2024.

Ông Tô Văn H có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục cháu Tô Lý Nghi H và cháu Tô Lý Ngân N mà không ai được cản trở theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung: Bà Lý Thị Mỹ L tự trình bày ông, bà không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về nợ chung: Bà Lý Thị Mỹ L tự trình bày ông, bà không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

5. Về án phí:

Bà Lý Thị Mỹ L phải chịu án phí dân sự số tiền 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0001737 ngày 14/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố ST, tỉnh Sóc Trăng. Bà L đã nộp xong.

Ông Tô Văn H phải chịu án phí cấp dưỡng số tiền là 300.000 đồng.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15

ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND - TPST;
- TAND tỉnh ST;
- Thi hành án DS - TPST;
- Các đương sự;
- Nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Phan Thanh Loan

